

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST

Ngày 24/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm và bà Phạm Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2022/TLST-HS ngày 26/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Đình B, sinh năm 1988 tại tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình R và bà Trương Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 10/12/2021 đến nay tại trại Tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1975

+ Anh Bùi Văn Q1, sinh năm 1977

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương;

+ Ông Trương Đình N, sinh năm 1958

+ Anh Lê Đình Th, sinh năm 1977

+ Anh Lại Hữu T, sinh năm 1990

+ Anh Lê Đình Q1, sinh năm 1996

+ Anh Lê Đình T, sinh năm 1986

+ Anh Lê Đình T1, sinh năm 1984

+ Anh Lê Đình Q, sinh năm 1976

+ Anh Lê Đình Th1, sinh năm 1973

+ Anh Lê Đình H1, sinh năm 1990

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

Đều có địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Lê Đình Q1, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2010, Lê Đình B được một người tên K (B không rõ họ và địa chỉ) rủ trốn sang Trung Quốc theo đường tiểu ngạch Bằng cách chèo thuyền vượt sông Ka Long thuộc địa phận thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh để làm nghề mộc tại một xưởng gỗ thuộc thành phố Nam Ninh, Trung Quốc. Cuối năm 2013, sau khi quen công việc và đường đi lại, B được ông chủ người Trung Quốc gọi là A Pấn (B không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) bảo nếu quen biết ai ở Việt Nam làm nghề mộc thì giới thiệu sang xưởng gỗ của A Pấn làm. B đồng ý và về quê tại xã Đ, huyện T và sang huyện N tìm người. Từ tháng 3/2014 đến tháng 3/2017, B đã trao đổi và tìm được 12 người để đưa sang Trung Quốc theo đường tiểu ngạch, gồm: Bùi Văn Q, sinh năm 1975; Bùi Văn Q1, sinh năm 1977, đều ở thôn Đ, xã U', huyện N, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (là vợ B); Trương Đình N, sinh năm 1958; Lê Đình Th, sinh năm 1977; Lại Hữu T, sinh năm 1990; Lê Đình Q1, sinh năm 1996; Lê Đình T, sinh năm 1986; Lê Đình T1, sinh năm 1984; Lê Đình Q, sinh năm 1976; Lê Đình Th1, sinh năm 1973 và Lê Đình Hữu, sinh năm 1990, đều trú tại thôn Quảng Giang, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương. B hứa sẽ trả lương cho những người này từ 8 đến 12 triệu đồng/tháng tùy theo tay nghề, mọi chi phí đi lại sang Trung Quốc sẽ do B thực hiện.

Sau đó, B tổ chức cho những người này trốn sang Trung Quốc Bằng cách thức như sau: B hẹn những người trên tập trung tại cầu cống Bía thuộc thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương vào khoảng 20h đến 21h, rồi cùng bắt xe khách của nhà xe Phương Thái hoặc nhà xe Phương Kiên chạy tuyến N, Hải Dương đi thành phố Móng Cái, Quảng Ninh. Khi đến cửa bến xe Móng Cái thì mọi người xuống, B gọi xe ôm chở những người trốn cùng đến bờ sông Ka Long (cách bến xe Móng Cái khoảng 2km) rồi bắt đò tự phát tại đây để đi qua sông sang đất Trung Quốc. B tiếp tục thuê xe lam để chở cả nhóm ra đường lớn và bắt xe khách để đi về xưởng gỗ thuộc thành phố Nam Ninh, Trung Quốc làm việc. Với cách thức trên, B đã 9 lần tổ chức cho 12 người trên trốn sang Trung Quốc, trong đó có những người đi và về nhiều lần, gồm:

+ Lần 1: Vào tháng 3/2014, B đưa Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn Q và anh Bùi Văn Q1 sang Trung Quốc. Cả nhóm làm đến tháng 9/2014 thì về nước.

+ Lần 2: Vào tháng 10/2014, B đưa Nguyễn Thị H, anh Bùi Văn Q, anh Bùi Văn Q1, ông Trương Đình N, anh Lê Đình Th, anh Lại Hữu T sang Trung Quốc. Cả nhóm làm đến tháng 01/2015 thì cùng về nước.

+ Lần 3: Vào tháng 3/2015, B đưa Nguyễn Thị H, Trương Đình N, Lê Đình Th, Lê Đình Th1 sang Trung Quốc. Tháng 6/2015 B về nước còn những người trong nhóm đến tháng 9/2015 thì cùng về nước.

+ Lần 4: Vào tháng 7/2015, B đưa Lê Đình H1, Lê Đình T1 sang Trung Quốc, sau đó những người này ở lại làm việc, còn B tiếp tục quay về Việt Nam để tìm người đưa sang. Đến tháng 01/2016 thì Hữu và T1 về nước.

+ Lần 5: Vào tháng 10/2015, B đưa Nguyễn Thị H, Trương Đình N, Lê Đình Th, Lê Đình Th1 sang Trung Quốc, đến tháng 01/2016 thì về nước.

+ Lần 6: Vào tháng 02/2016, B đưa Trương Đình N, Lê Đình Th1 sang Trung Quốc, đến tháng 12/2016 thì về nước.

+ Lần 7: Vào tháng 3/2016, B đưa Nguyễn Thị H, Lê Đình H1, Lê Đình T1, Lê Đình Th, Lê Đình T sang Trung Quốc, đến tháng 12/2016 thì về nước.

+ Lần 8: Vào tháng 4/2016, B đưa Lê Đình Q sang Trung Quốc, đến tháng 6/2016 về nước.

+ Lần 9: Vào tháng 3/2017, B đưa Lê Đình Q1 sang Trung Quốc, đến tháng 7/2017 về nước.

Việc trả lương cho 12 người mà B tổ chức trốn sang Trung Quốc do ông chủ người Trung Quốc đưa tiền cho B để trả, với mức lương mỗi người khoảng 3000 nhân dân tệ (tương đương 10 triệu đồng tiền Việt Nam). B sẽ dựa theo tay nghề của từng người để trả lương từ 8 triệu đến 10 triệu đồng/tháng/người, số tiền còn lại B bù vào chi phí dẫn họ vượt biên. B không được hưởng lợi vật chất mà chỉ được ông chủ Trung Quốc ưu ái hơn về thời gian đi lại từ Việt Nam sang Trung Quốc.

Tại Lý lịch cá nhân của các anh Bùi Văn Q1, Bùi Văn Q xác định: Anh Q1 và anh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương. Tại Lý lịch cá nhân của các anh, chị Nguyễn Thị H, Trương Đình N, Lê Đình Th, Lại Hữu T, Lê Đình Q1, Lê Đình T, Lê Đình T1, Lê Đình Q, Lê Đình Th1 và Lê Đình H1 xác định những người này đều trú tại thôn Quảng Giang, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/11/2021, Ủy ban nhân dân phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xác định: Vị trí B đưa 12 người Việt Nam đi dò qua sông Ka Long sang Trung Quốc nằm trên đường Trần Quang Diệu thuộc địa phận khu 3, phường Ka Long, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Sông Ka Long là biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Đây là khu vực có dò tự phát xuất hiện từ những năm 2000. Bờ bên kia của sông Ka Long là địa phận của nước Trung Quốc. Vị trí này không phải là cửa khẩu.

Các nhà xe Phương Kiên, Phương Thái xác định: Cả hai nhà xe đều bắt đầu hoạt động từ năm 2012, 2013 chạy tuyến huyện N, tỉnh Hải Dương đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh vào khung giờ từ 20 giờ, chạy trên Quốc lộ 37, đi qua Cống B, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương, các lái xe là lao động thời vụ nên không xác định được ai là lái xe trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017.

Tại các Công văn số 28510, 29378 ngày 25/11 và 02/12/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp: Có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của Lê Đình B, Nguyễn Thị H, Lại Hữu T, Lê Đình Th, Bùi Văn Q1, Bùi Văn Q, Lê Đình T1, Lê Đình T, Lê Đình H1, Lê Đình Q1. Tuy nhiên, tại Danh sách khách xuất nhập cảnh gửi kèm Công văn thì những người này không xuất nhập cảnh vào các thời điểm xảy ra việc B tổ chức cho họ trốn sang Trung Quốc. Đối với Trương Đình N có thông tin cấp hộ chiếu nhưng không có thông tin xuất nhập cảnh; Lê Đình Th1 không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh; Lê Đình Q không có thông tin xuất nhập cảnh.

Tại Công văn số 51 ngày 07/01/2022 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh (PA 08) - Công an tỉnh Hải Dương cung cấp: PA 08 không lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Đình B.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSHD-P2 ngày 25/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Lê Đình B tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" quy định tại khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa xác định được B đưa sang Trung Quốc Bằng cách đi đò qua sông Ka Long mà không qua cửa khẩu, không sử dụng hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài". Áp dụng khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự 1999, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/12/2021. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Tiến hành tố

tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 3/2017, Lê Đình B đã rủ rê, lôi kéo và 09 lần tổ chức đưa Nguyễn Thị H, Lê Đình Th, Trương Đình N, Bùi Văn Q1, Bùi Văn Q, Lại Hữu T, Lê Đình T, Lê Đình T1, Lê Đình H1, Lê Đình Th1, Lê Đình Q1, Lê Đình Q trốn sang Trung Quốc Bằng cách đi đò vượt sông Ka Long tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh mà không qua cửa khẩu, không sử dụng hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân khác.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại vùng biên giới. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã 09 lần tổ chức cho 12 người trốn sang Trung Quốc nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trên, Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đang có hiệu lực. Quy định về hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài do bị cáo thực hiện của Bộ luật Hình sự năm 2015 bất lợi cho bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài" với tình tiết định khung "Phạm tội nhiều lần" quy định tại khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ.

[3]. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhân thân tốt.

[4]. Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi không vì tư lợi mà vì mong muốn giúp bạn bè, người thân có việc làm ổn định, thu nhập. Tuy nhiên, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Đối với người tên K theo B khai đã rủ B trốn sang Trung Quốc từ năm 2010 nhưng hiện chưa rõ thông tin, địa chỉ, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ là phù hợp.

[7]. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã có hành vi trốn sang Trung Quốc từ năm 2014 đến năm 2017. Tuy nhiên hành vi của những người này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Cơ quan an ninh điều tra

- Công an tỉnh Hải Dương có văn bản gửi UBND xã Đ và UBND xã U để các địa phương có biện pháp theo dõi, chấn chỉnh là phù hợp.

[8]. Đối với xưởng gỗ và chủ người Trung Quốc tại thành phố Nam Ninh, Trung Quốc theo lời khai của B và 12 người trên không xác định được vị trí chính xác của xưởng gỗ cũng như nhân thân lai lịch của chủ người Trung Quốc nên cơ quan điều tra không đủ điều kiện xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình B phạm tội "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài".

2. Xử phạt bị cáo Lê Đình B 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/12/2021.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Đình B phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan ANĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu Tòa; Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu